

**NGHỊ QUYẾT**

**Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Tu Mơ Rông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG  
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 63/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025 tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2020/NQ-HĐND, ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

Xét Tờ trình số 218/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Tu Mơ Rông, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội

Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Huyện Tư Mơ Rông (có Báo cáo dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 kèm theo).

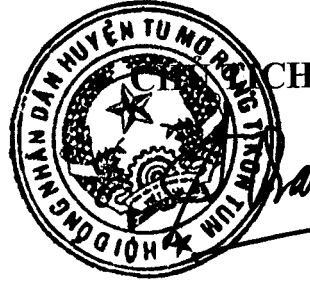
## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2020./.

### **Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại huyện;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành của huyện;
- Thường trực HĐND 11 xã;
- UBND 11 xã;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT-TH.



*A Dân*

*Quản lý*

## BÁO CÁO

### Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn

**2021 -2025 huyện Tu Mơ Rông**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2020  
của UBND huyện Tu Mơ Rông)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ Tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều trong Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 63/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025 tỉnh Kon Tum;

UBND huyện trình Ban Thường vụ Huyện ủy cho ý kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Tu Mơ Rông, cụ thể như sau:

### **I. Tổng Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Tu Mơ Rông:**

#### **1. Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Tu Mơ Rông:**

Dự kiến tổng số vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước trung hạn giai đoạn 2021-2025 của huyện Tu Mơ Rông là **462.717** triệu đồng. Trong đó:

**1.1.** Đầu tư trong cân đối ngân sách huyện là **80.270** triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn cân đối theo tiêu chí định mức là **69.680** triệu đồng

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là **6.000** triệu đồng;

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là **4.590** triệu đồng.

**1.2.** Đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh là **90.795** triệu đồng.

**1.3.** Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu là **291.652** triệu đồng.

2. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án, nhiệm vụ. (Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

## **II. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025**

Việc phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 phải đảm bảo thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí sau:

### **2.1. Nguyên tắc chung**

- Thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của huyện, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, phù hợp với quy hoạch tỉnh, huyện và phù hợp với dự kiến kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Việc phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư.

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư.

### **2.2. Nguyên tắc, tiêu chí cụ thể phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các cơ quan, đơn vị và địa phương**

Việc bố trí vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 phải đảm bảo nguyên tắc chung nêu trên và thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

- Bố trí vốn để thu hồi số vốn ứng trước, thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025;

- Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo tiến độ thực hiện dự án và theo các quyết định được phê duyệt;

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 đồng thời bảo đảm thời gian bố trí vốn của dự án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công;

- Sau khi bố trí đủ vốn theo thứ tự ưu tiên nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới, trong đó ưu tiên bố trí các dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục, được chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2016-2020, dự án trọng điểm, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, quốc phòng, an ninh, dự án cấp bách phòng, chống thiên tai, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, ...

### **III. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI VÀ DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

#### **1. Giải pháp triển khai**

Các cấp, các ngành quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính, ngân sách 5 năm giai đoạn 2021-2025, đồng thời tập trung triển khai thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

- Đẩy mạnh việc thực hiện tái cơ cấu lại chi ngân sách Nhà nước theo hướng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm các khoản chi thường xuyên để tăng tỷ trọng cho chi đầu tư phát triển.

- Chú trọng công tác khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư. Các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị được ủy quyền làm chủ đầu tư cần tăng cường biện pháp khắc phục tình trạng chuẩn bị sơ sài gây lãng phí, thất thoát, kém hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện thời gian qua.

- Thực hiện đúng thứ tự ưu tiên đã được quy định trong Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành và các địa phương trong xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và trong triển khai thực hiện. Chú trọng công tác theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cụ thể. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công định kỳ hoặc đột xuất theo chế độ báo cáo quy định; trong đó, phải đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và đề xuất kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc. Theo dõi, đôn đốc (chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, nhà thầu) đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân dự án. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong triển khai kế hoạch đầu tư công, thực hiện dự án. Chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn để thúc đẩy giải ngân và nâng cao hiệu quả đầu tư. Các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị được ủy quyền làm chủ đầu tư phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện từng dự án, lập kế hoạch giải ngân của từng dự án, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án.

- Kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm việc ứng trước kế hoạch vốn phải phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước. Mức vốn ứng trước của từng dự án không vượt quá mức vốn bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và phải đảm bảo có nguồn thanh toán các khoản ứng trước.

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Khoản dự phòng chưa phân bổ chỉ được sử dụng cho các mục tiêu thật sự cần thiết, cấp bách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của các

thành phần kinh tế nhằm hoàn thiện hệ thống kế cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, tiếp tục rà soát để đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Bố trí phần vốn ngân sách Nhà nước và tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức đối tác công tư. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình, dự án cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân ở nông thôn.

- Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, bảo đảm lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực thực hiện dự án theo đúng tiến độ quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn vay. Kiên quyết không nghiệm thu công trình, các hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Xử lý nghiêm tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Thực hiện tốt công tác dân vận ở cơ sở; vận động, tổ chức lấy ý kiến nhân dân về kế hoạch triển khai thực hiện dự án; công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; giải thích cho nhân dân hiểu rõ về cơ chế, chính sách; niêm yết đơn giá, khối lượng bồi thường công khai minh bạch để nhân dân biết, giám sát; hạn chế tối đa việc khiếu nại, khiếu kiện có thể xảy ra.

- Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các đoàn thể các cấp tại cơ sở và nhân dân tăng cường công tác giám sát cộng đồng, thực hiện tốt Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; công khai hóa các thông tin về công trình/dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

## **2. Dự kiến kết quả đạt được**

Với dự kiến kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 và phương án phân bổ nêu trên, dự kiến kết quả triển khai thực hiện đầu tư công giai đoạn 2021-2025 như sau: Tất cả các công trình chuyển tiếp sẽ được đầu tư hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 theo tiến độ; đồng thời triển khai khởi công mới một số công trình quan trọng, thiết yếu của huyện, góp phần hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của địa phương, phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân và hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Trên đây là dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của huyện Tu Mơ Rông trình Ban Thường vụ Huyện ủy./.



Phụ lục 01

**TỔNG HỢP NHỮNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
2021 - 2025 HUYỆN TU MƠ RÔNG**

(Kèm theo Nghị quyết Hội đồng Nhân dân, ngày 18 tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Tu Mơ Rông)

Đơn vị: Triệu đồng

| ST<br>T   | Nguồn vốn đầu tư  | Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 |                |                |            | Ghi chú |
|-----------|---|---|----------------|----------------|------------|---------|
|           |   | Số dự án  | Tổng số vốn    | Trong đó:      |            |         |
|           |   |   |                | Trong nước     | Nước ngoài |         |
|           | <b>TỔNG SỐ</b>  | <b>27</b>   | <b>462.717</b> | <b>462.717</b> | <b>0</b>   |         |
| <b>I</b>  | <b>Vốn ngân sách địa phương</b>                                 | <b>27</b>   | <b>171.065</b> | <b>171.065</b> | <b>0</b>   |         |
| <b>1</b>  | <b>Vốn đầu tư từ ngân sách huyện</b>                            | <b>25</b>   | <b>80.270</b>  | <b>80.270</b>  | <b>0</b>   |         |
|           | Trong đó:   |   |                |                |            |         |
| -         | Nguồn cân đối theo tiêu chí định mức                            | 19  | 69.680         | 69.680         |            |         |
| -         | Phân cấp đầu tư từ thu nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối | 3   | 6.000          | 6.000          |            |         |
| -         | Phân cấp đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết                       | 3   | 4.590          | 4.590          |            |         |
| <b>2</b>  | <b>Vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh</b>                             | <b>2</b>  | <b>90.795</b>  | <b>90.795</b>  |            |         |
| <b>II</b> | <b>Vốn Ngân sách trung ương</b>                                 | <b>2</b>  | <b>291.652</b> | <b>291.652</b> |            |         |

**CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 55 /NQ-HĐND, ngày 18 tháng 4 năm 2020 của HĐND huyện Tu Mơ Rông)*

Đơn vị: Triệu đ

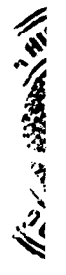
| STT | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư                              | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công hoàn thành | Quyết định đầu tư                        |                                |                    | Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 |                    | Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 |                    |         |                             |                    |
|-----|--|---|-------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--------------------|---|--------------------|---|--------------------|---------|-----------------------------|--------------------|
|     |  |   |                   |                                | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT                           |                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                  | Trong đó: vốn NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                            | Trong đó: Vốn NSDP | Tổng số | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB |
|     |  |   |                   |                                |  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP |   |                    |   |                    |         |                             |                    |
|     | <b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>   |   |                   |                                |  |                                | 149.397            | 149.397   | 39.164             | 27.164  | 80.270             | -       | -                           | -                  |
| A   | Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg |   |                   |                                |  |                                | 126.997            | 126.997   | 39.164             | 27.164  | 69.680             | -       | -                           | -                  |
| I   | <b>VỐN PHÂN CẤP CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ</b>                                  |   |                   |                                |  |                                | 34.991             | 34.991  | -                  | -   | 45.770             | -       | -                           | -                  |
| a   | <b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>   |   |                   |                                |  |                                | 34.991             | 34.991  | -                  | -   | 45.770             | -       | -                           | -                  |
| (1) | Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025               |   |                   |                                |  |                                | 34.991             | 34.991  | -                  | -   | 45.770             | -       | -                           | -                  |
| 1   | Nợ phải trả sau quyết toán dự án hoàn thành                                |   |                   | 2021-2025                      |  |                                | 5.000              | 5.000   |                    |   | 5.000              |         |                             |                    |
| 2   | San lấp mặt bằng, di dời dân thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà                    | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | xã Đăk Hà         | 2021-                          |  |                                | 1.841              | 1.841   |                    |   | 1.841              |         |                             |                    |
| 3   | Trường Mầm non Đăk Hà  | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | xã Đăk Hà         | 2021-2025                      |  |                                | 4.900              | 4.900   |                    |   | 4.200              |         |                             |                    |
| 4   | Trường Tiểu học Đăk Hà   | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | xã Đăk Hà         | 2021-2025                      |  |                                | 4.800              | 4.800   |                    |   | 4.500              |         |                             |                    |

*(Handwritten signature)*



| STT | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư                                   | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công hoàn thành | Quyết định đầu tư                        |                                |                    | Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 |                    | Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 |                    |                             |                    |
|-----|--|--|-------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--------------------|---|--------------------|---|--------------------|-----------------------------|--------------------|
|     |  |  |                   |                                | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT                           |                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                  | Trong đó: vốn NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                            | Trong đó: Vốn NSDP | Thu hồi các khoản ứng trước | Thành toán nợ XDCB |
|     |  |  |                   |                                |  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP |   |                    |   |                    |                             |                    |
| 5   | Trường THCS BT DTTS huyện Tu Mơ Rông   | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện      | xã Đắk Hà         | 2021-2025                      |  | 4.500                          | 4.500              | 470   | 470                | 470   |                    |                             |                    |
| 6   | Đập dâng, kết hợp mặt bằng, đường bố trí dân cư thôn Mỏ Pà, xã Đắk Hà  | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện      | xã Đắk Hà         | 2021-2025                      |  | 4.950                          | 4.950              | 4.830   | 4.830              | 4.830   |                    |                             |                    |
| 7   | Chinh trang đô thị: Trồng cây xanh các tuyến đường, vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường khu trung tâm huyện | Trung tâm môi trường và dịch vụ đô thị huyện | xã Đắk Hà         | 2021-2025                      |  | 5.500                          | 5.500              | 5.000   | 5.000              | 5.000   |                    |                             |                    |
| 8   | Nâng cấp, Sửa chữa các trụ sở trên địa bàn huyện   | Các phòng, ban, đơn vị                       | xã Đắk Hà         | 2021-2025                      |  | 3.500                          | 3.500              | 3.329   | 3.329              | 3.329   |                    |                             |                    |
| 9   | Nguồn vốn chưa phân bổ   |  |                   |                                |  |                                |                    | 16.600  | 16.600             | 16.600  |                    |                             |                    |
| II  | <b>PHÂN CẤP HỖ TRỢ NÔNG THÔN MỚI</b>   |  |                   |                                |  | 22.047                         | 22.047             | 13.910  | 13.910             | 13.910  |                    |                             |                    |
| a   | <b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>   |  |                   |                                |  | 22.047                         | 22.047             | 13.910  | 13.910             | 13.910  |                    |                             |                    |
| (1) | <b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025</b>  |  |                   |                                |  | 22.047                         | 22.047             | 13.910  | 13.910             | 13.910  |                    |                             |                    |
| 1   | Hội trường Đa Năng xã Đắk Rơ Ông   | UBND xã Đắk Rơ Ông                           | xã Đắk Rơ Ông     | 2021-2025                      |  | 1.150                          | 1.150              | 1.136   | 1.136              | 1.136   |                    |                             |                    |
| 2   | Hội trường Đa Năng xã Ngọc Lậy   | UBND xã Ngọc Lậy                             | xã Ngọc Lậy       | 2021-2025                      |  | 1.150                          | 1.150              | 1.136   | 1.136              | 1.136   |                    |                             |                    |
| 3   | Hội trường Đa Năng xã Đắk Na   | UBND xã Đắk Na                               | xã Đắk Na         | 2021-2025                      |  | 1.150                          | 1.150              | 1.136   | 1.136              | 1.136   |                    |                             |                    |
| 4   | Hội trường Đa Năng xã Ngọc Yêu   | UBND xã Ngọc Yêu                             | xã Ngọc Yêu       | 2021-2025                      |  | 1.150                          | 1.150              | 1.136   | 1.136              | 1.136   |                    |                             |                    |

09/05



THỰC HIỆN DỰ ÁN

| STT | Danh mục dự án                              | Chủ đầu tư                              | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công hoàn thành | Quyết định đầu tư                        |                                |                    | Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 |                    | Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 |                    |                                |                             |                    |
|-----|---|---|-------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--------------------|---|--------------------|---|--------------------|--------------------------------|-----------------------------|--------------------|
|     |   |   |                   |                                | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT                           |                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                  | Trong đó: vốn NSĐP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                            | Trong đó: Vốn NSĐP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB |
|     |   |   |                   |                                |  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSĐP |   |                    |   |                    |                                |                             |                    |
| 4   | Hội trường Đa Năng xã Ngọc Yêu              | UBND xã Ngọc Yêu                        | xã Ngọc Yêu       | 2021-2025                      |  | 1.150                          | 1.150              | 1.136   | 1.136              | 1.136   |                    |                                |                             |                    |
| 5   | Sân chơi trường PTDT BT TH-THCS xã Tê Xăng  | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | xã Tê Xăng        | 2021-2025                      |  | 1.150                          | 1.150              | 1.136   | 1.136              | 1.136   |                    |                                |                             |                    |
| 6   | Sân chơi trường PTDT BT TH-THCS xã Văn Xuôi | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | xã Văn Xuôi       | 2021-2025                      |  | 1.150                          | 1.150              | 1.136   | 1.136              | 1.136   |                    |                                |                             |                    |
| 7   | Trường Mầm non xã Đăk Rơ Ông                | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | xã Đăk Rơ Ông     | 2021-2025                      |  | 4.500                          | 4.500              | 1.047   | 1.047              | 1.047   |                    |                                |                             |                    |
| 8   | Sân chơi trường PTDT BT TH-THCS xã Ngọc Lây | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | xã Ngọc Lây       | 2021-2025                      |  | 1.047                          | 1.047              | 1.047   | 1.047              | 1.047   |                    |                                |                             |                    |
| 9   | Sân chơi trường PTDT BT TH xã Đăk Sao       | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | xã Đăk Sao        | 2021-2025                      |  | 1.250                          | 1.250              | 1.250   | 1.250              | 1.250   |                    |                                |                             |                    |
| 10  | Trường Mầm non xã Tu Mơ Rông                | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | xã Tu Mơ Rông     | 2021-2025                      |  | 2.200                          | 2.200              | 2.200   | 2.200              | 2.200   |                    |                                |                             |                    |
| 11  | Sân chơi trường PTDT BT TH-THCS xã Măng Ry  | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | xã Măng Ry        | 2021-2025                      |  | 1.250                          | 1.250              | 1.250   | 1.250              | 1.250   |                    |                                |                             |                    |
| 12  | Trường THCS xã Đăk Tô Kan                   | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | xã Đăk Tô Kan     | 2021-2025                      |  | 4.900                          | 4.900              | 1.250   | 1.250              | 1.250   |                    |                                |                             |                    |

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

| STT | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư                                   | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công hoàn thành | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | Quyết định đầu tư              |                    | Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 |                    | Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 |          |                    |                             |
|-----|--|--|-------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--------------------|---|--------------------|---|----------|--------------------|-----------------------------|
|     |  |  |                   |                                |  | TMĐT                           |                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                  | Trong đó: vốn NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                            | Trong đó | Trong đó: Vốn NSDP |                             |
|     |  |  |                   |                                |  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP |   |                    |   |          | Tổng số            | Thu hồi các khoản ứng trước |
| III | <b>PHÂN CẤP HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP BẠCH</b>  |  |                   |                                |  | 69.959                         | 69.959             | 39.164  | 27.164             | 10.000  | -        | 10.000             | -                           |
| 1   | Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025  |  |                   |                                |  | 69.959                         | 69.959             | 39.164  | 27.164             | 10.000  | -        | 10.000             | -                           |
| (a) | Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025  |  |                   |                                |  | 69.959                         | 69.959             | 39.164  | 27.164             | 10.000  | -        | 10.000             | -                           |
| -   | Di dời, tái định cư cho các hộ dân tại 03 xã: Tê Xăng, Tu Mơ Rông, Đăk Rơ Ông và Trụ sở Đảng ủy, UBND - UBND, UBND, UBND xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện      |                   | 2019-2022                      | 713-23/9/2019                            | 69.959                         | 69.959             | 39.164  | 27.164             | 10.000  | -        | 10.000             | -                           |
| B   | <b>NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>  |  |                   |                                |  | 8.200                          | 8.200              | -   | -                  | 6.000   | -        | 6.000              | -                           |
| a   | <b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>   |  |                   |                                |  |                                |                    |   |                    |   |          |                    |                             |
| (1) | Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025   |  |                   |                                |  | 8.200                          | 8.200              | -   | -                  | 6.000   | -        | 6.000              | -                           |
| 1   | Hệ thống cống thoát nước; trồng cây xanh; khuôn viên vườn hoa; hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm huyện  | Trung tâm môi trường và dịch vụ đô thị huyện | xã Đăk Hà         | 2021-2025                      |  | 7.000                          | 7.000              | -   | -                  | 4.800   | -        | 4.800              | -                           |
| 2   | Phân cấp thực hiện nhiệm vụ Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai   | Phòng Tài nguyên và Môi trường               |                   | 2021-2025                      |  | 600                            | 600                | -   | -                  | 600   | -        | 600                | -                           |
| 3   | Thực hiện đầu tư các công trình nông thôn mới  | UBND các xã                                  |                   | 2021-2025                      |  | 600                            | 600                | -   | -                  | 600   | -        | 600                | -                           |
| C   | <b>NGUỒN THU SỐ KIẾN THIẾT</b>   |  |                   |                                |  | 14.200                         | 14.200             | -   | -                  | 4.590   | -        | 4.590              | -                           |



29

| STT | Danh mục dự án                       | Chủ đầu tư                              | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công hoàn thành | Quyết định đầu tư                        |                                |                    | Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 |                    | Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 |                    |                                |          |                             |                     |
|-----|--------------------------------------|---|-------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--------------------|---|--------------------|---|--------------------|--------------------------------|----------|-----------------------------|---------------------|
|     |                                      |   |                   |                                | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT                           |                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                  | Trong đó: vốn NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                            | Trong đó: vốn NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XD/CB |
|     |                                      |   |                   |                                |  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP |   |                    |   |                    |                                |          |                             |                     |
| 1   | Trường Mầm non Đăk Hà                | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | Xã Đăk Hà         | 2021-2025                      |  | 4.900                          | 4.900              | -   | -                  | 300   | 300                |                                |          |                             |                     |
| 2   | Trường Tiểu học Đăk Hà               |   | Xã Đăk Hà         | 2021-2025                      |  | 4.800                          | 4.800              | -   | -                  | 290   | 290                |                                |          |                             |                     |
| 3   | Trường THCS BT DTTS huyện Tu Mơ Rông |   | Xã Đăk Hà         | 2021-2025                      |  | 4.500                          | 4.500              |   |                    | 4.000   | 4.000              |                                |          |                             |                     |

Ghi chú:

(\*) Giao Ủy ban nhân dân huyện rà soát, trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ khi đủ điều kiện



9

**CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**VỐN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 35/NQ-HĐND, ngày 19 tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Tu Mơ Rông)

Đơn vị: Triệu đồng



| STT | Danh mục dự án   | Chủ đầu tư                              | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công hoàn thành | Quyết định đầu tư                        |               | Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 |                    | Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 |                    |                                |                    | Ghi chú |         |
|-----|--|---|-------------------|--------------------------------|--|---------------|---|--------------------|---|--------------------|--------------------------------|--------------------|---------|---------|
|     |  |   |                   |                                | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT          | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                  | Trong đó: vốn NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                            | Trong đó: Vốn NSDP | Trong đó                       |                    |         |         |
|     |  |   |                   |                                |  |               |   |                    |   |                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP |         | Tổng số |
|     | <b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>  |   |                   |                                |  |               |   |                    |   |                    |                                |                    |         |         |
| I   | <b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>   |   |                   |                                |  |               |   |                    |   |                    |                                |                    |         |         |
| a   | Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025  |   |                   |                                |  |               |   |                    |   |                    |                                |                    |         |         |
| (1) | Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025  |   |                   |                                |  |               |   |                    |   |                    |                                |                    |         |         |
| 1   | Di dời, tái định cư cho các hộ dân tại 03 xã: Tê Xăng, Tu Mơ Rông, Đăk Rơ Ông và Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND, UBMTTQ xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện |                   | 2019-2022                      |  | 713-23/9/2019 | 69.959  | 69.959             | 39.164  | 27.164             | 20.795                         | 20.795             |         |         |
| b   | Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025  |   |                   |                                |  |               |   |                    |   |                    |                                |                    |         |         |
| (1) | Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025   |   |                   |                                |  |               |   |                    |   |                    |                                |                    |         |         |
| 1   | Đường kết hợp kè suối Đăk Ter trung tâm huyện Tu Mơ Rông (các đoạn còn lại)  | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | Xã Đăk Hà         | 2021-2025                      |  |               | 300.000   |                    |   |                    | 70.000                         | 70.000             |         |         |

*(Handwritten signature)*

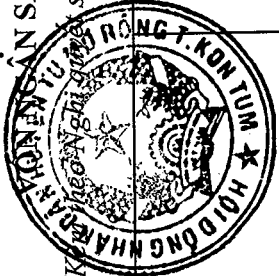
Phụ lục 04

**CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG**

(Kế hoạch ban đầu số 35/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Tu Mơ Rông)

Đơn vị: Triệu đồng,

| STT   | Danh mục dự án  | Chủ đầu tư                              | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công hoàn thành | Quyết định đầu tư                        |                                |                    | Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020 |                                |                    | Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 |                             |                    |         | Ghi chú |        |        |        |  |
|---|---|---|-------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--------------------|---|--------------------------------|--------------------|---|-----------------------------|--------------------|---------|---------|--------|--------|--------|--|
|   |   |   |                   |                                | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT                           |                    | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTW | Tổng số   | Trong đó: Vốn NSTW          |                    |         |         |        |        |        |  |
|   |   |   |                   |                                |  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSTW |   |                                |                    |   | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB |         |         |        |        |        |  |
|   |   |   |                   |                                |  |                                |                    |   |                                |                    |   |                             |                    |         |         |        |        |        |  |
| <b>TỔNG SỐ (A+B+C)</b>  |   |   |                   |                                |  |                                |                    |   |                                |                    | 291.652   | -                           | -                  | -       |         |        |        |        |  |
| <b>NGÀNH/LĨNH VỰC GIAO THÔNG</b>  |   |   |                   |                                |  |                                |                    |   |                                |                    | 198.000   | -                           | -                  | -       |         |        |        |        |  |
| <b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI</b>  |   |   |                   |                                |  |                                |                    |   |                                |                    | 198.000   | -                           | -                  | -       |         |        |        |        |  |
| 1   | Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông) | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | Tu Mơ Rông        | 2021-2025                      | 220.000                                  | 220.000                        | 220.000            | 220.000   | 220.000                        | 220.000            | 198.000   | 198.000                     | 198.000            | 198.000 |         |        |        |        |  |
| <b>NGÀNH/ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, ĐIỂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b> |   |   |                   |                                |  |                                |                    |   |                                |                    | 49.500  | 49.500                      | 49.500             | 49.500  | 49.500  | 49.500 | 49.500 | 49.500 |  |
| <b>DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP</b>  |   |   |                   |                                |  |                                |                    |   |                                |                    | 49.500  | 49.500                      | 49.500             | 49.500  | 49.500  | 49.500 | 49.500 | 49.500 |  |
| 1   | Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter   | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | Tu Mơ Rông        | 2020-2021                      | 49.500                                   | 49.500                         | 49.500             | 49.500  | 49.500                         | 49.500             | 19.500  | 19.500                      | 19.500             | 19.500  |         |        |        |        |  |
| <b>NGÀNH/LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG</b>  |   |   |                   |                                |  |                                |                    |   |                                |                    | 51.752  | 51.752                      | 51.752             | 51.752  | 51.752  | 44.152 | 44.152 | 44.152 |  |
| <b>DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP</b>  |   |   |                   |                                |  |                                |                    |   |                                |                    | 51.752  | 51.752                      | 51.752             | 51.752  | 51.752  | 44.152 | 44.152 | 44.152 |  |
| 1   | Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã vùng ATK tỉnh Kon Tum   | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện | Tu Mơ Rông        | 2020-2023                      | 51.752                                   | 51.752                         | 51.752             | 51.752  | 51.752                         | 51.752             | 7.600   | 7.600                       | 7.600              | 7.600   |         |        |        |        |  |
| <b>TỔNG SỐ</b>  |   |   |                   |                                |  |                                |                    |   |                                |                    | 44.152  | 44.152                      | 44.152             | 44.152  | 44.152  | 44.152 | 44.152 | 44.152 |  |



*[Handwritten signature]*